

Số: /KH-BĐHCĐS

Ninh Thuận, ngày tháng 11 năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận năm 2025

Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2024

Kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận: Trong 9 tháng đầu năm 2024, có 32/44 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; còn 04/44 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, trong đó có 08/44 chỉ tiêu chưa có số liệu đánh giá, cụ thể tại Phụ lục I đính kèm.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số:

a) Ngay từ đầu năm, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh quán triệt, tuyên truyền sâu sắc chủ đề của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (CĐS) năm 2024 là “Phát triển kinh tế số với 4 trụ cột: Thương mại điện tử - thanh toán không dùng tiền mặt; Số hóa các ngành kinh tế; Quản trị số; Dữ liệu số, tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững”. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh năm 2024; Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh ban hành Kế hoạch số 1446/KH-BĐHCĐS ngày 04/4/2024 của về triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và nhiều văn bản khác có liên quan để đẩy mạnh triển khai ứng dụng các nền tảng số, chuyển đổi số phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

b) Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các sở, ban, ngành, địa phương được kiện toàn, bảo đảm công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành về chuyển đổi số kịp thời, hiệu quả. Đồng thời, xây dựng và ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị¹.

c) Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến, về chuyển đổi số bằng nhiều hình thức như: chuyên trang, chuyên mục của Báo, Đài, Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận. Hệ thống thông tin cơ sở tích cực thực hiện các chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số trên địa bàn toàn tỉnh.

¹ 100% cơ quan, đơn vị đã thành lập Ban chỉ đạo CĐS và ban hành Kế hoạch CĐS năm 2024; Thành lập 65 Tổ công nghệ số (CNS) cộng đồng cấp xã, phường, thị trấn; 446 Tổ CNS cấp thôn với 2.439 thành viên.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số

Tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: Tỉnh đã ban hành 01 Nghị quyết, 05 Quyết định, 21 Kế hoạch/Công văn triển khai công tác chuyển đổi số².

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

a) Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Kế hoạch, quyết định các chủ trương, cơ chế, chính sách liên quan đến công tác Chuyển đổi số. Ban hành các cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường pháp lý thúc đẩy xây dựng, triển khai có hiệu quả và bảo đảm các mục tiêu đề ra; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai việc thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch của UBND tỉnh; duy trì chế độ họp, hội nghị định kỳ với Trung ương và các địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Ban Chỉ đạo các sở, ban, ngành đã chủ động, chịu trách nhiệm thực hiện đồng bộ các giải pháp để triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan trực tiếp tới cơ quan, đơn vị, địa phương; tự kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai hằng tháng, quý.

c) Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số với trách nhiệm người đứng đầu các ngành, đơn vị, địa phương và công tác đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng; đôn đốc kiểm tra việc chỉ đạo thực hiện công tác Chuyển đổi số đối với Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể.

3. Hạ tầng số

a) Tiếp tục đẩy mạnh tăng cường chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông mở rộng, nâng cao chất lượng đường Internet cáp quang băng rộng; Tăng cường phủ sóng mạng bằng công nghệ 4G để đáp ứng về vùng phủ cũng như bảo đảm chất lượng cho thuê bao chuyển công nghệ từ 2G, 3G sang công nghệ 4G; Rà soát, xóa các vùng lùm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động. Đến nay, Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang được phủ sóng đến 100% thôn/khu phố trên địa bàn tỉnh; thử nghiệm 75 trạm 5G trên địa bàn thành phố PRTC.³ Triển khai chương trình hỗ trợ các dịch vụ viễn thông cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.

² Phụ lục 2

³ Về hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) trong cơ quan nhà nước (CQNN): 100% CBCCVC được trang bị máy tính; 100% CQNN đều có mạng nội bộ, kết nối mạng Internet băng rộng, mạng diện rộng của tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương; mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II đã được triển khai, kết nối từ Trung ương đến cấp xã. Hiện nay, 100% cán bộ công chức được trang bị máy tính; 100% các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cấp xã đã có mạng nội bộ (LAN); 19 Sở ban ngành, 7 huyện, thành phố và 65 xã, phường, thị trấn đã kết nối mạng diện rộng (WAN) của tỉnh thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước phục vụ truy cập internet và các phần mềm dùng chung, dịch vụ giám sát an toàn thông tin, và tất cả các hệ thống thông tin của các ngành... 100% cơ quan nhà nước của tỉnh sử dụng dịch vụ trên hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh. Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số tại Văn phòng Tỉnh ủy được đầu tư lắp đặt, cài đặt tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung của Tỉnh ủy nhằm quản trị, vận hành hệ thống một cách tập trung, thống nhất, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cả mạng trong và mạng ngoài, được trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo đảm hoạt động liên tục 24/24. 100% cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các huyện, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc sử dụng hệ thống đường truyền mạng số liệu chuyên dùng (Trung ương 01Mb, nội tỉnh 2Mb) phục vụ cho việc trao đổi, chia sẻ thông tin, triển khai các ứng dụng dùng chung, các hệ thống thông tin chuyên ngành của các cơ quan khối Đảng trên hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng theo quy định và hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng trong mạng thông tin diện rộng của Đảng theo mô hình 2 cấp, phục vụ cho việc triển khai các ứng dụng, phần mềm điều hành tác nghiệp của các cơ quan Đảng như: Phần mềm điều hành tác nghiệp Lotus Notes, Hệ thống thông tin chuyên ngành tổ chức - xây dựng Đảng (CSDL Đảng viên, Kho hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ, Quản lý cán bộ công chức), Hệ thống thông tin chuyên ngành UBND.

b) Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh được triển khai phần mềm ảo hóa và điện toán đám mây theo công nghệ mã nguồn mở để quản lý và tối ưu hóa hạ tầng máy chủ và thiết bị mạng. Duy trì hoạt động thông suốt, ổn định, bảo đảm an toàn, ngăn ngừa các cuộc tấn công từ bên ngoài, khai thác sử dụng 24/7, hạn chế tối đa việc mất an toàn thông tin và dữ liệu.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Hiện nay, số lượng CBCCV chuyên trách về CNTT của tỉnh hiện có 87 người, có 04 CC,VC chuyên trách CNTT đã tham gia lớp bồi dưỡng đội ngũ nòng cốt chuyển đổi số; thành lập 446 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn/khu phố với 2.439 thành viên⁴; Trong 9 tháng đầu năm 2024 đã tổ chức 10 lớp (với hơn 386 cán bộ tham gia) tập huấn, hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Ninh Thuận cho cán bộ quản trị hệ thống các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thuộc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2024 bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến cho 2.439 thành viên Tổ CNSCĐ⁵.

b) Đã mở các lớp tập huấn triển khai, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số và phần mềm thuộc dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ làm công tác quản trị mạng các huyện, thành uỷ; phụ trách tin học các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh uỷ, Đảng uỷ Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh và các lớp hướng dẫn sử dụng cho người dùng dành cho cán bộ, đảng viên các huyện, thành uỷ; các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh uỷ, Đảng uỷ Khối Cơ quan - Doanh nghiệp Tỉnh...⁶

5. Dữ liệu số

a) Tỉnh đã ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Ninh Thuận⁷. Các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở thực hiện kết nối, tích hợp các dữ liệu về hệ thống quản lý và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Số hóa tài liệu lưu trữ cơ quan, xây dựng cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính, làm giàu Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức và số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gắn với định danh công dân theo Đề án 06⁸. Khối các cơ quan đảng triển khai phần mềm Hệ thống thông tin chuyên ngành Tổ chức - xây dựng Đảng

⁴ Phối hợp Cục Chuyển đổi số quốc gia đăng ký tổ chức khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà OneTouch cho 1.532 học viên (cấp tỉnh: 413 học viên; cấp huyện, xã: 1.119 học viên); Bộ Công an và Đại học Bách khoa Hà Nội đào tạo trực tuyến MOOC theo Đề án 06/CP: 717 học viên (cấp tỉnh: 137 học viên; cấp huyện, xã: 580 học viên). Tổ chức Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nhận thức kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã: 903 người. Đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho 210 cán bộ lãnh đạo UBND cấp xã, 983 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và 150 cán bộ Đoàn, đoàn viên thanh niên.

⁵ Trong đó: Thành phố PRTC: 563 người (Trực tiếp: 150 người và trực tuyến: 413 người); Huyện Bắc Ái: 346 người; Huyện Ninh Sơn: 380 người; Huyện Ninh Hải: 271 người; Huyện Ninh Phước: 405 người; Huyện Thuận Bắc: 244 người; Huyện Thuận Nam: 230 người.

⁶ Triển khai 10 lớp tập huấn triển khai phần mềm App Sổ tay Đảng viên điện tử cho hơn 22 cán bộ làm công tác quản trị mạng, phụ trách tin học của cơ quan, đơn vị; hơn 1.500 cán bộ, đảng viên đại diện cho các Chi bộ, Đảng bộ thuộc Đảng ủy Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh và Đảng bộ các huyện, thành phố ...

⁷ Quyết định số 321/QĐ-UBND, ngày 23/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁸ Kết quả đăng ký khai sinh từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/8/2024: 6.567 trường hợp (giảm 3,39% so với cùng kỳ năm 2023 (Trong đó: Đăng ký khai sinh đúng hạn: 5.297 trường hợp (giảm 5,1% so với cùng kỳ năm 2023); Đăng ký khai sinh quá hạn: 1.270 trường hợp (tăng 1,01% so với cùng kỳ năm 2023); Số trẻ em chưa được đăng ký khai sinh do có vướng mắc, khó khăn: 0 trường hợp). trong 25 thủ tục hành chính thiết yếu thuộc Đề án 06/CP, có 06 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tư pháp. Hiện các thủ tục này đã được triển khai thực hiện trên Cổng Dịch vụ công. Kết quả thủ tục hành chính được giải quyết trên cổng dịch vụ công trực tuyến từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/8/2024, đăng ký khai sinh: 1.560/1.594 trường hợp (chiếm tỷ lệ: 97,86%); Đăng ký khai tử: 1.005/1.035 trường hợp (chiếm tỷ lệ: 97,1%); Đăng ký kết hôn: 2.191/2.232 trường hợp (chiếm tỷ lệ: 98,1%); Liên thông đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng: 1.327/1.341 trường hợp (chiếm tỷ lệ: 98,9%); Liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi: 4.151/4.158 trường hợp (chiếm tỷ lệ: 99,8%).

(quản lý CSDL đảng viên, Kho hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý cán bộ, công chức).

b) Triển khai các Hệ thống thông tin chuyên ngành nhằm bảo đảm dữ liệu được cập nhật, duy trì liên tục. Tổ chức triển khai xây dựng, đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Hoàn thành kết nối, liên thông 3/6 CSDL Quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg, gồm CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, đặc biệt là kết nối thành công CSDL quốc gia về dân cư với Công DVC tỉnh và tổ chức khai thác có hiệu quả Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; hiện đang triển khai kết nối CSDL Quốc gia về dân cư với CSDL về CBCCVC; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị đưa vào vận hành, khai thác sử dụng. Đang tổng hợp các cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan, ban, ngành ⁹.

6. An toàn thông tin mạng

a) Duy trì hoạt động hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) và bảo mật dữ liệu cho các hệ thống thông tin Chính quyền số theo mô hình 4 lớp; Hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát, chia sẻ thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Hiện nay, 100% (28/28) hệ thống thông tin cơ quan nhà nước được phê duyệt và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ, đáp ứng các tiêu chí về an toàn thông tin bảo đảm kết nối vào CSDL quốc gia về dân cư theo Đề án 06/CP.

b) Triển khai sử dụng nền tảng ứng cứu sự cố cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin của tỉnh, với 30 thành viên. Hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) hoạt động ổn định, thực hiện tốt việc kết nối, chia sẻ thông tin giám sát, thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định.

⁹ CSDL hồ sơ địa chính, gồm 18 xã, phường, thị trấn, với hơn 128.349 thửa đất. CSDL hạ tầng ngầm đô thị, gồm 4.060 cây xanh/42 tuyến đường, 673 đèn chiếu sáng, 244 tuyến dây chiếu sáng, 403 tuyến dây điện nổi, 4 tuyến dây điện ngầm, 231 trụ phòng cháy chữa cháy, 615 tuyến thoát nước và 785 hố ga... CSDL du lịch thông minh, gồm 1.385 tin bài, 254 doanh nghiệp cung cấp thông tin trên hệ thống. CSDL về quản lý giáo dục, gồm 526 trường học trên địa bàn tỉnh. CSDL về giá, gồm 12.840 hồ sơ. CSDL về đối tượng bảo trợ xã hội và người có công, gồm 23.804 đối tượng được cấp trên hệ thống. CSDL công chứng tỉnh, gồm 439.149 hồ sơ công chứng, chứng thực. CSDL về CBCCVC cập nhật 13.735/14.854 hồ sơ đạt 92,47% và hiện đang kết nối tích hợp, đồng bộ với CSDL Quốc gia về CBCCVC... Kết nối thành công CSDLQG về dân cư với Công DVCTT tỉnh và tổ chức khai thác có hiệu quả Nghị định số 104/2022/NĐ-CP; hiện đang triển khai kết nối CSDLQG về dân cư với cơ sở dữ liệu (CSDL) về CBCCVC; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử, chuyển đổi số. Đang triển khai thực hiện dự án "Xây dựng kho dữ liệu điện tử cá nhân". Ngành Công an tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả yêu thuộc các lĩnh vực theo Đề án 06/CP (từ 16/12/2023 đến 15/9/2024): Xác nhận số Chứng minh nhân dân (CMND) khi đã được cấp thẻ CCCD: 52/52 trường hợp (đạt 100%); Cấp lại, đổi thẻ CCCD: 7.525/8.536 trường hợp (đạt 88,16%); Đăng ký, cấp biên số mô tô, xe gắn máy: 18.311/18.420 trường hợp (đạt 99,4%); Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội): 3.262/3.488 trường hợp (đạt 93,52%); Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hồ chiếu phổ thông: 6.512/6.512 trường hợp (đạt 100%); Đăng ký thường trú: 30.860/31.136 hồ sơ (đạt 99,11%); Đăng ký tạm trú: 2.891/3.016 hồ sơ (đạt 95,86%); Khai báo tạm vắng: 20/20 hồ sơ (đạt 100%); Thông báo lưu trú: 62.487/62.488 hồ sơ (đạt 99,99%); Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu: 42/42 hồ sơ (đạt 100%), xác nhận thông tin về cư trú: 5.791/5.831 (đạt 99,13%).

Ngành tài nguyên đã tập trung triển khai xây dựng, đưa vào vận hành, cập nhật, chỉnh lý CSDL hồ sơ địa chính và CSDL tài nguyên môi trường biển; ngành nông nghiệp triển khai xây dựng CSDL của ngành như dữ liệu về bảo vệ thực vật (PPDMS 2.0) và quản lý thuốc bảo vệ thực vật, quản lý công tác thú y, giám sát tàu cá với 100% tàu cá đăng ký tại tỉnh Ninh Thuận được cập nhật trên hệ thống VNFishbase; 100% tàu cá đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình kết nối với hệ thống giám sát tàu cá, dữ liệu thủy lợi, dữ liệu về bản đồ hiện trạng rừng, diễn biến rừng và cảnh báo cháy rừng, áp dụng tưới tự động, tưới nhỏ giọt, máng ăn, máng uống tự động, hệ thống cơ sở dữ liệu thủy lợi ninh thuận: <https://thuyloinhinhthuan.vn...> trong trồng trọt và chăn nuôi; ngành tài chính hoàn thành việc xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng CSDL về giá; ngành Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai CSDL về đối tượng bảo trợ xã hội và người có công và hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, kết quả cập nhật đầy đủ thông tin dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào cơ sở dữ liệu để kết nối, chia sẻ với các bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác bảo đảm an sinh xã hội; ngành Tư pháp đang triển khai dự án Số hóa sở hộ tịch trên địa bàn tỉnh. Đến nay, đã số hóa được 67.841/779.684 dữ liệu; ngành Nội vụ đã cập nhật, bổ sung các trường thông tin Cơ sở dữ liệu còn thiếu, chưa đầy đủ và đồng bộ cơ sở dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý kịp thời, đúng tiến độ; ngành Y tế sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia đến các cơ sở hành nghề y - được trên địa bàn tỉnh; Tỉnh Đoàn tổ chức kích hoạt định danh điện tử thông qua app VneID cho 7.762 lượt công dân; Đoàn các cấp hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, giải quyết thủ tục hành chính 18.469 hồ sơ; ...

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đã tiếp nhận và Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp thuộc lĩnh vực BHTN, cụ thể: Số người đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp là 3.911 người; có Quyết định hưởng là 3.791 người (Trong đó qua công Dịch vụ công quốc gia là 702 người, đạt tỷ lệ 17,95%) với tổng số tiền chi là 39.628.383.594 đồng; Tiếp nhận qua hệ thống Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, phần mềm <http://dichvucong.ninhthuan.gov.vn> là 232 hồ sơ (trong đó, tiếp nhận trực tuyến qua công DVC tỉnh đối với 40 DVCTT của ngành 142 hồ sơ đạt 79,77% đạt so với chỉ tiêu được giao); Đã giải quyết: 171 hồ sơ (Trước hạn: 146, đúng hạn: 25); đang giải quyết 7 hồ sơ. Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số tài khoản liên thông được quốc gia được cấp tại tỉnh Ninh Thuận là 483 tài khoản, trong đó quỹ thuốc đã cấp 342 tài khoản chiếm 70,8%, nhà thuốc đã cấp 134 tài khoản chiếm 27,7%, cơ sở bán buôn đã cấp 07 tài khoản chiếm 1,5%. Số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC đạt 62,78%.

c) Công tác giám sát, cảnh báo an toàn thông tin tiếp tục được thực hiện. Trong 9 tháng đầu năm 2024, hệ thống giám sát máy chủ (Viettel CyCir) có 15.035 cảnh báo mức độ trung bình, 6.592 cảnh báo mức độ cao và 2.556 cảnh báo mức độ nghiêm trọng; hệ thống giám sát máy khách SOC (Viettel Ajiant) có 43.288 cảnh báo mức độ thấp, 377.993 cảnh báo mức độ trung bình, 142.807 cảnh báo mức độ cao. Các cảnh báo đã được Trung tâm phối hợp với đơn vị giám sát an ninh mạng (Viettel) rà soát, xác minh các tiến trình cảnh báo và xử lý kịp thời, bảo đảm hệ thống luôn hoạt động ổn định, xuyên suốt.

7. Chính quyền số

a) 100% các sở, ban, ngành, địa phương có cung cấp DVC trực tuyến đã ban hành danh mục DVC trực tuyến toàn trình, DVC trực tuyến một phần theo quy định. Hiện nay, số lượng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của tỉnh là 1.126 DVCTT, trong đó có 582 DVCTT toàn trình và 544 DVCTT một phần. Đồng bộ trạng thái và đã tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia 992/1.126 DVCTT đạt 88,1%; Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 07/10/2024 thì toàn tỉnh đã tiếp nhận được 205.079 hồ sơ, trong đó có 157.450 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến chiếm 76,78%, có 47.629 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp chiếm 23,22% và 381 hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính công ích chiếm 0,19%. Đã giải quyết được 200.577 hồ sơ, trong đó số hồ sơ đã giải quyết sớm hạn và đúng hạn là 200.159 hồ sơ chiếm 99,79%, số hồ sơ đã giải quyết trễ hạn là 418 hồ sơ chiếm 0,21%. Tổng số hồ sơ đồng bộ trạng thái lên Cổng dịch vụ công quốc gia là 180.619/200.159 hồ sơ đạt 90,23%.

b) Luôn duy trì, kết nối thông suốt giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, với 161 tài khoản được cấp cho cán bộ một cửa để khai thác 20 trường thông tin cơ bản của cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ trong việc giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Từ ngày 01/01/2024 - 28/8/2024 toàn tỉnh có 20.204 lượt khai thác (cấp tỉnh 16095 lượt, cấp huyện 22 lượt và cấp xã 4087 lượt).

c) Duy trì, triển khai thực hiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ tại Tỉnh ủy và tất cả các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối liên thông 4 cấp từ Trung ương, tỉnh, huyện và 65/65 xã, phường, thị trấn, bảo đảm 100% cuộc họp qua hội nghị truyền hình giữa UBND tỉnh với các CQNN, UBND cấp huyện, cấp xã.

d) Phần mềm hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD.Office): Toàn tỉnh hiện có 26/26 Sở, ban, ngành và 7/7 UBND cấp huyện, 65/65 UBND cấp xã đã triển khai Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc được tích hợp chứng thư số và được găng mã định danh. Việc trao đổi, xử lý văn bản trên môi trường mạng đạt 100% đối với cấp tỉnh, 96,61% đối với cấp huyện và 97,24% đối với cấp xã. Việc sử dụng chữ ký số cá nhân toàn tỉnh đạt 97,98% (trong đó cấp tỉnh: 100%; cấp huyện: 96,61%; cấp xã: 97,24%)¹⁰.

đ) Cổng/Trang thông tin điện tử: Đã chuyển đổi công nghệ IPv4 sang IPv6 và kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và

¹⁰Trong 9 tháng đầu năm 2024 (tính từ ngày 01/01 - 31/8/2024), tổng số văn bản đi/đến toàn tỉnh là 824.748 văn bản (tăng 13,68% so với cùng kỳ năm 2023), trong đó có 187.942 văn bản đi (tăng 12,54% so với cùng kỳ năm 2023) và 636.806 văn bản đến (tăng 14,03% so với cùng kỳ năm 2023); cấp tỉnh 73.595 văn bản đi và 257.850 văn bản đến; cấp huyện 58.155 văn bản đi và 115.457 văn bản đến; cấp xã 56.192 văn bản đi và 263.481 văn bản đến.

Truyền thông; được theo dõi, giám sát, bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp¹¹.

e) Duy trì hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế số. Phần đầu đạt tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh đạt 12% (chỉ mới đạt 9,56%); Đã triển khai thành công hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 04/CT-UBND¹²; 100% doanh nghiệp đã triển khai chữ ký số, phần mềm kế toán điện tử và các nền tảng số; 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã kê khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT).

b) Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2023/NQ-HĐND ngày 12/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2024-2028, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 864/KH-UBND ngày 28/02/2024 về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2024 trên địa bàn tỉnh, với tổng số tiền là 28.900 triệu đồng¹³.

c) Thương mại điện tử: Trong 9 tháng đầu năm 2024 vẫn duy trì 96 cơ sở, doanh nghiệp tham gia với 368 sản phẩm trên sàn thương mại điện tử của tỉnh. Triển khai vận hành khai thác sử dụng sàn TMĐT tỉnh với tên miền sanphamninhthuan.com kể từ ngày 30/12/2022; Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia, đưa sản phẩm quảng bá, kết nối tiêu thụ (B2B, B2C), thúc đẩy xuất khẩu thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử quốc tế: Hỗ trợ gói dịch vụ trong thời gian 12 tháng trên các sàn giao dịch thương mại điện tử quốc tế (Tridge.com) cho Công ty Cổ phần Biovalley Việt Nam, giá trị 50.000.000 đồng từ nguồn kinh phí thương mại điện tử.

d) Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt đối với các dịch vụ công, chi trả trợ cấp, an sinh xã hội, triển khai kết nối thanh toán với các đơn vị trường học, bệnh viện, công ty điện, công ty cấp thoát nước, công ty vệ sinh môi trường, các công ty viễn thông, bưu chính trên địa bàn đô thị để thanh toán thu học phí, viện phí, tiền điện... ưu tiên thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ¹⁴.

¹¹ Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã được nâng cấp, tích hợp 19 Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, 07 Trang thông tin điện tử của UBND các huyện, thành phố; tích hợp các Trang thông tin điện tử của HĐND tỉnh, Công an tỉnh và chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh; liên kết Cổng/Trang TTĐT của các cơ quan Đảng, Đoàn thể. Cổng thông tin điện tử đã đăng 720 tin/bài; 74 văn bản dự thảo trên chuyên mục “Đề xuất ý kiến dự thảo văn bản”; 22 văn bản trên chuyên mục “Xin ý kiến Nhân dân”; Tiếp nhận và chuyển xử lý 39/39 câu hỏi của doanh nghiệp, người dân gửi đến Chuyên mục Hỏi- Đáp.

¹² Tính đến ngày 31/8/2024 đã có 5.117 người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (trong đó 4.115 Dn, 1.002 hộ kinh doanh theo phương pháp kê khai) và 31.814.343 HĐĐT được phát hành.

¹³ Trong đó tập trung triển khai thực hiện 05 nhóm Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã chuyển đổi số, gồm: 1. Tập huấn nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và đào tạo về khởi sự kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã; 2. Hỗ trợ tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã; 3. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã thành doanh nghiệp số; 4. Hỗ trợ thu hút doanh nghiệp công nghệ số; 5. Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Trong 9 tháng năm 2024, đã tiếp nhận và giải quyết là 1.976 lượt hồ sơ đăng ký, trong đó: có 331 doanh nghiệp thành lập mới/4.162,4 tỷ đồng, tăng 0,61% số doanh nghiệp (331/329 DN) và số vốn đăng ký giảm 18,72% so cùng kỳ. Tỷ lệ hồ sơ doanh nghiệp đăng ký qua mạng chiếm 94,94%. Số lao động đăng ký trong các doanh nghiệp thành lập mới 1.918 lao động, tăng 21,62% so cùng kỳ.

¹⁴ Kết quả, đến cuối tháng 9/2024, số lượng thẻ đang lưu hành đạt 720.074 thẻ (Trong đó, thẻ nội địa 582.081 thẻ, chiếm 80,8%; thẻ quốc tế đạt 137.993 thẻ, chiếm 19,2%), tăng 161.830 thẻ (+28,99%) so với cuối năm 2023. Đến thời điểm 30/9/2024, toàn tỉnh hiện tại có 99 máy ATM và 672 máy chấp nhận thanh toán thẻ POS được lắp đặt và kết nối liên thông, tăng 01 máy ATM (+1,02%) và tăng 56 máy POS (+9,09%) so với cuối năm 2023. Tổng doanh số thanh toán qua ngân hàng trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 486.227 tỷ đồng/33.975.506 món, tăng 152.388 tỷ đồng (+45,6%) và tăng 4.135.597 món (+13,9%) so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, thanh toán không dùng tiền mặt đạt 366.657 tỷ đồng/31.696.097 món, chiếm 75,4%, tăng 133.053 tỷ đồng (+57,0%) và tăng 6.944.760 món (+28,1%) so với cùng kỳ năm 2023.

đ) Thẻ định danh công dân số tiếp tục được cung cấp cho người dân. Tính đến ngày 15/9/2024, tổng số nhân khẩu thường trú trên địa bàn được cấp thẻ CCCD: 601.510/747.962 nhân khẩu thường trú đủ điều kiện (đạt 80%), trong đó từ ngày 01/7/2024 đến ngày 15/9/2024 đã tổ chức thu nhận hồ sơ cấp CCCD cho 52.884 nhân khẩu thường trú (nhóm tuổi từ 0 đến dưới 06 tuổi: 17.619 hồ sơ, nhóm tuổi từ đủ 6 đến dưới 14 tuổi: 23.741 hồ sơ, nhóm từ đủ 14 tuổi trở lên: 11.301 hồ sơ) thu nhận hồ sơ cấp CCCD: 52.884 trường hợp là học sinh thuộc diện thi tốt nghiệp THPT, THPT năm 2024 (đạt 100%); đã kích hoạt 375.768 tài khoản ĐDDT (mức 1: 57.940 tài khoản, mức 2: 317.828 tài khoản).

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

Tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Kế hoạch số 4001/KH-UBND ngày 30/8/2024 hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Trong đó xác định những nội dung trọng tâm bao gồm: Tuyên truyền, phổ biến thông điệp Ngày Chuyển đổi số năm 2024; Tổ chức Hội thảo Thúc đẩy chuyển đổi số; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hỗ trợ người dân chuyển đổi máy điện thoại công nghệ 2G lên công nghệ 4G... Kết quả cụ thể: Toàn tỉnh đã đồng loạt triển khai phổ cập, truyền thông bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024; Hội thảo Thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được tổ chức vào ngày 24/9/2024, với chủ đề “Phổ cập hạ tầng số và sáng tạo ứng dụng số để phát triển kinh tế số - Động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và năng suất lao động”, tham dự Hội thảo với gần 200 đại biểu.

9.2. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Công tác truyền thông về chuyển đổi số được cơ quan chức năng trong tỉnh thường xuyên tuyên truyền được cập nhật, phổ biến trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh¹⁵.

b) Duy trì, liên tục đăng tin bài cập nhật các nội dung trên chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận tại địa chỉ: <http://chuyendoiso.ninhthuan.gov.vn> và OA Zalo Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận. Các cơ quan, đơn vị các cấp thường xuyên lồng ghép các nội dung tuyên truyền Chuyển đổi số bằng các hình thức đa dạng như tổ chức thi tìm hiểu trực tuyến, tổ chức các phong trào thi đua..... Tuyên truyền trực quan bằng băng rôn, phướn... vào ngày 10/10, lồng ghép các nội dung tuyên truyền vào các ngày lễ lớn, các sự kiện của địa phương. Hướng dẫn các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục lan tỏa các thông điệp, nội dung, hướng dẫn người dân cùng tham gia có hiệu quả công cuộc chuyển đổi số.

¹⁵ Qua 9 tháng đầu năm 2024, đã phát sóng gần 150 tin, bài, phóng sự, phỏng vấn về chuyển đổi số của tỉnh; trong đó, công tác cấp thẻ căn cước công dân có gắn chip điện tử; thực hiện đăng ký, kích hoạt tài khoản ĐDDT-Ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh; công tác khai thác, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, phát triển chính quyền số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến chất lượng mức độ cao, hiệu quả theo hướng “lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm”; cũng như tình hình, kết quả thực hiện Đề án 06/CP của các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động... về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc triển khai Đề án 06/CP, tạo sự thống nhất về tư tưởng, sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị, đồng thời kêu gọi các doanh nghiệp chung tay góp sức đồng hành cùng triển khai thành công Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức người dân, doanh nghiệp tích cực tham gia dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, xem đây là dịch vụ đem lại lợi ích thiết thực cho người dân, doanh nghiệp. Ngoài ra, cơ quan Báo chí đã đăng trên 100 tin bài về giới thiệu quảng bá, tiếp cận người tiêu dùng ở các chương trình như: Tổ chức gian hàng trưng bày sản phẩm OCOP của tỉnh Ninh Thuận tại Hội Báo toàn quốc năm 2024 tại thành phố Hồ Chí Minh; Tổ chức tham gia gian hàng tại Ngày hội Du lịch tại thành phố Hồ Chí Minh; Tổ chức tham gia gian hàng tại Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam - VITM Hanoi 2024 tại thành phố Hà Nội; Tổ chức chương trình kết nối cung cầu giữa doanh nghiệp Ninh Thuận và Tập Đoàn Central Retail Việt Nam tại tỉnh Ninh Thuận; Trưng bày gian hàng sản phẩm OCOP tại Hội nghị công bố quy hoạch và xúc tiến đầu tư vào tỉnh Ninh Thuận; Tổ chức Hội nghị kết nối đầu tư, giao thương giữa doanh nghiệp tỉnh Ninh Thuận với Đoàn doanh nghiệp Caravan Báo Pháp Luật Việt Nam tại tỉnh Ninh Thuận năm 2024; Hội thảo Thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận năm 2024...

Phần II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Công điện số 33/CD-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

Căn cứ Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bám sát, triển khai thực hiện đầy đủ, nhất quán các định hướng, mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ của Trung ương, Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh. Thực hiện đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhóm giải pháp, biện pháp nhằm đẩy nhanh quá trình thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục tập trung hoàn thiện hạ tầng số; khai thác, chia sẻ, kết nối sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu; ưu tiên thúc đẩy thực hiện phát triển chính quyền số,

kinh tế số, xã hội số, nhất là các ngành kinh tế, lĩnh vực trọng điểm; phục vụ hoạt động của người dân, doanh nghiệp trên nền tảng số hóa cơ sở dữ liệu dịch vụ; nâng cao chỉ số chuyển đổi số của tỉnh (DTI) năm 2025 thuộc nhóm khá của cả nước.

Đẩy mạnh việc triển khai dự án chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Phát triển hạ tầng số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình, 100% địa bàn thôn có dân cư; triển khai phủ sóng mạng 5G tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm;

- 100% hạ tầng CNTT được rà soát, nâng cấp, bảo đảm liên thông kết nối từ tỉnh đến cấp huyện và xã, phường, thị trấn;

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 90%;

- 100% cơ quan nhà nước được kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

2.2. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% văn bản điện tử gửi, nhận giữa các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp được ký số thay thế văn bản giấy (trừ văn bản mật).

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 60%; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, xử lý trực tuyến đạt 70%.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 98% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 96% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (trừ các báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- 100% Cổng/Trang thông tin điện tử các Sở, ban, ngành và địa phương công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo tổng kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện qua hệ thống báo cáo điện tử của tỉnh.

- Kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ số bao gồm các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm; Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 50% (không áp dụng đối với dữ liệu mật, tuyệt mật và dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng).

- Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.

- Trên 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tiếp tục triển khai thực hiện mỗi cơ quan, đơn vị có một sản phẩm cụ thể.

2.3. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh đạt 12%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 100%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 7%

- 100% sản phẩm OCOP của tỉnh được đưa lên các sàn thương mại điện tử nội địa.

2.4. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân từ đủ 15 tuổi trở lên có số tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 100%.

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID trên 95%.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

a) Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 4818/KH-UBND ngày 17/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương; Triển khai xây dựng, ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của cơ quan, đơn vị để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

b) Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông, Công thông tin điện tử, các trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tập trung, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng hóa hình thức và nội dung tuyên truyền về công tác chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận.

c) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quan tâm bố trí cán bộ trực tiếp làm công tác chuyển đổi số theo hướng đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn.

2. Thể chế, chính sách số

a) Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách về chuyển đổi số bao gồm: quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

b) Cập nhật, xây dựng Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận phiên bản 3.0 theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0.

c) Xây dựng báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số

a) Tiếp tục mở rộng triển khai các điểm phát sóng 5G trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ chính phủ số, chính quyền số.

b) Phấn đấu phổ cập điện thoại thông minh theo định hướng mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh. Trước tiên, mỗi hộ gia đình có một thiết bị thông minh, sau đó, mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp để thực hiện xóa vùng lõm sóng di động băng rộng, chưa có băng rộng cố định.

c) Khai thác hiệu quả hoạt động Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh, rà soát nâng cấp bổ sung thiết bị, gia hạn bản quyền, bảo hành, bảo đảm an toàn điện, kết hợp thuê dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp, chuyển dịch sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; đánh giá an toàn thông tin theo định kỳ.

d) Tập trung nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin tại các đơn vị, địa phương đặc biệt đến cấp xã, phường, thị trấn. Triển khai hướng dẫn và cấp chữ ký số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, bảo đảm giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa.

4. Nhân lực số

a) Tiếp tục triển khai các nội dung thuộc Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch đào tạo kỹ năng số hàng năm của tỉnh. Nâng cao năng lực, vai trò thực hiện công tác chuyển đổi số cấp xã.

b) Tiếp tục duy trì, triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về

chuyển đổi số cho lãnh đạo, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, ưu tiên hình thức tập huấn trực tuyến.

c) Triển khai tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin cho học sinh các trường THCS, THPT. Tăng cường công tác chỉ đạo, triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

d) Triển khai phổ cập kỹ năng số cho người dân thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản bao gồm: sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Triển khai đào tạo trực tuyến cho người dân thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Phát triển dữ liệu số

a) Tổ chức triển khai, đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung tại Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu tỉnh Ninh Thuận nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDs ngày 04/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở.

b) Triển khai cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu theo Kế hoạch số 3548/KH-UBND ngày 05/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2024-2025; Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Ninh Thuận.

c) Tiếp tục thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); Khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia với các hệ thống của tỉnh.

d) Tiếp tục hoàn thiện Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức hiện có trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính. Tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, xử lý, giải quyết thủ tục hành chính không yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có trong Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có ký số hợp lệ được chấp nhận như giấy tờ chính thức theo quy định của pháp luật.

đ) Tiếp tục triển khai kết nối CSDL quốc gia về dân cư, thường xuyên tích hợp vào CSDL quốc gia về dân cư các thông tin y tế, bảo hiểm xã hội, tố giác tội phạm..., phục vụ phát triển, hoàn thiện và triển hiệu quả ứng dụng công dân số từ VNEID.

e) Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

6. An toàn thông tin mạng

a) Các sở, ngành, địa phương tập trung triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý, vận hành. Các nhóm nhiệm vụ cần triển khai bao gồm: Xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ.

b) Bảo đảm 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gắn nhãn tín nhiệm mạng.

c) Duy trì hoạt động ổn định Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tỉnh Ninh Thuận (SOC), bảo đảm kết nối thường xuyên, liên tục với Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng quốc gia, làm cơ sở cho hoạt động bảo đảm an toàn thông tin trong triển khai chính quyền điện tử tại địa phương. Giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp, tăng cường khả năng thích ứng chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên môi trường mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố ATTT cho cán bộ chuyên trách ATTT trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục cử nhân sự chuyên trách hoặc phụ trách về an toàn thông tin và CNTT tại các đơn vị tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

đ) Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

7. Chính quyền số

a) Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục số hóa và tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

b) Tiếp tục duy trì hoạt động có hiệu quả hệ thống Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh và các Trung tâm điều hành thông minh các huyện, thành phố và các ngành. Bảo đảm kết nối giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền.

c) Tập trung đồng bộ triển khai các giải pháp, biện pháp, xây dựng các mô hình về chuyển đổi số để triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Tiếp tục duy trì ổn định kết nối các cơ quan Đảng, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã kết nối mạng LAN và Internet tốc độ cao, mạng truyền số liệu chuyên dùng dành riêng cho các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục duy trì hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử trong

cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh, huyện, xã tuân thủ theo quy định. Bảo đảm hoạt động của Hệ thống thư điện tử công vụ. Tăng cường việc sử dụng chữ ký số trong cán bộ, công chức các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

đ) Tiếp tục duy trì, vận hành ổn định và hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh phục tốt cho việc gửi nhận, theo dõi xử lý văn bản. Duy trì kết nối trực liên thông văn bản của tỉnh kết nối liên thông các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thông suốt với Văn phòng Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và các địa phương ngoài tỉnh thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

e) Tiếp tục thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

f) Tiếp tục triển khai thực hiện mỗi cơ quan, đơn vị có một sản phẩm chuyển đổi số cụ thể.

8. Kinh tế số và xã hội số

a) Thực hiện việc tính toán, đo lường tỷ trọng kinh tế số/GRDP của tỉnh, từ đó đề xuất các nội dung, giải pháp phù hợp để tập trung phát triển kinh tế số của tỉnh phù hợp với đặc thù địa phương. Chú trọng phát triển kinh tế số trên các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có tiềm năng, lợi thế để phát triển, bao gồm: nông nghiệp, du lịch và logistics.

b) Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên Cổng Thông tin điện tử <https://smedx.vn>. Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các doanh nghiệp sử dụng cụ miễn phí, hỗ trợ doanh nghiệp tự đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dbi.gov.vn>. Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số.

c) Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 2351/KH-UBND ngày 14/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển thương mại điện tử tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh. Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

d) Đẩy mạnh triển khai thực hiện chỉ tiêu mỗi người dân (trưởng thành) có một danh tính số, tài khoản số, có một chữ ký số cá nhân để sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ/tiện ích số.

đ) Triển khai trường học số theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 -

2025, định hướng đến năm 2030” và Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 ban hành Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dạy và học giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh trong đó ưu tiên trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập; triển khai và sử dụng hồ sơ học bạ điện tử.

e) Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, phổ cập kiến thức kỹ năng số và kỹ năng an toàn thông tin cơ bản. Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng VneID để nộp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

g) Triển khai bệnh viện số, ưu tiên phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; triển khai và sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

h) Tổ chức đào tạo tập huấn thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số đến người dân; thực hiện lồng ghép triển khai chuyển đổi số trong thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

i) Triển khai thí điểm chuyển đổi số ở khu phố, thôn, ấp.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

a) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh Ninh Thuận và các Ban chỉ đạo thuộc các Sở, ban, ngành, địa phương. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất. Xây dựng kế hoạch hoạt động Ban chỉ đạo bám sát các nội dung của Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số, các nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh.

b) Tăng cường các hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực lãnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đối với các đồng chí là Trưởng ban chỉ đạo Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm với cải cách hành chính.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số. Tập trung phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước. Thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa thực tiễn của Chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuyên truyền về các ứng dụng, nền tảng, công nghệ mới đến các cơ quan, đơn vị, người dân và doanh nghiệp trong tỉnh thông qua hình thức hội thảo, tọa đàm...

c) Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phát huy vai trò của các nền tảng mạng xã hội (Zalo OA, facebook...) là kênh tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền qua hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số và các hoạt động chuyển đổi số; tuyên truyền qua các hội thi, hội diễn....

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Tăng cường phối hợp với các trường cao đẳng, đại học cùng các công ty, doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

b) Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các Sở, ban, ngành, địa phương về chuyển đổi số, bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước. Tiếp tục cử cán bộ, công chức tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Tiếp tục thực hiện các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp CNTT, doanh nghiệp số triển khai hạ tầng, dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyển đổi số tại tỉnh.

b) Triển khai các hoạt động nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số như: Điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) vào triển khai chính quyền số.

c) Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng trong công tác nghiên cứu, tổ chức hội thảo, hội nghị nhằm giới thiệu những thành tựu CNTT và khả năng ứng dụng vào hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và phục vụ người dân

5. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, CSDL, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ của tỉnh.

b) Các sở, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số, bao gồm sử dụng nguồn lực lồng ghép trong các chương trình, dự án khác.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

a) Tổ chức tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh, các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế có mô hình chuyển đổi số mạnh mẽ, toàn diện, thành công.

b) Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối

tác áp dụng công nghệ số. Tiến tới làm chủ các công nghệ số tiên tiến trong xây dựng các sản phẩm, dịch vụ quan trọng phục vụ chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các xu hướng chuyển đổi số trong giao thông, đô thị, nông nghiệp, tài chính, thương mại, y tế, giáo dục, ... Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đầu tư phát triển các nền tảng, các sản phẩm nội dung số thương hiệu Việt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện; đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về triển khai chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

b) Thẩm định các chương trình, dự án theo thẩm quyền. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đánh giá, xếp hạng về chỉ số chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính-viễn thông và công nghệ thông tin chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị tư vấn, hỗ trợ các giải pháp, triển khai thực hiện công nghệ mới, mô hình mới theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số theo Kế hoạch này.

2. Công an tỉnh:

a) Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06; thường xuyên thực hiện công tác làm sạch dữ liệu dân cư và hỗ trợ làm sạch dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai hiệu quả các mô hình điểm được phát triển từ CSDLQG về dân cư, căn cước công dân, định danh điện tử và hướng dẫn, tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm phục vụ Hành chính công):

a) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC của các sở, ban, ngành, địa phương. Kịp thời tham mưu các nội dung liên quan đến cải cách TTHC.

b) Tiếp tục triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động Hệ thống giải quyết TTHC.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc Kế

hoạch; tham mưu các chính sách huy động nguồn vốn trong và ngoài nước; khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư chuyển đổi số.

b) Phối hợp với sở ngành, địa phương hướng dẫn, đôn đốc, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số.

5. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, trên cơ sở dự toán kinh phí do Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp và thẩm định nội dung nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị có liên quan; tổ chức thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn có liên quan; kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Triển khai thực hiện các hạng mục, chương trình, dự án từ nguồn ngân sách đã bố trí; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với công tác chuyển đổi số của tỉnh.

7. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông phát triển nhân lực số, thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung tại lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền số trong kế hoạch cải cách hành chính và Bộ chỉ số cải cách hành chính các cấp. Kịp thời tổng hợp, biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác chuyển đổi số.

8. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, chuyển đổi số ngành Công Thương, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

9. Thanh tra tỉnh: Chủ trì, triển khai kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; báo cáo kết quả, tỷ lệ hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 30/11 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo và Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh.

10. Các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch này. Rà soát, đăng ký chỉ tiêu đồng thời tham mưu chính sách thu hút nhân lực nhằm kiện toàn bộ máy chuyên trách về chuyển đổi số tại đơn vị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Xây dựng các nhiệm vụ, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Thông tin và Truyền thông theo định kỳ (quý 1, 6 tháng, 9 tháng và cả năm) để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo và Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh.

11. Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận: Phát triển nền tảng thanh toán trực tuyến theo hướng mở rộng các đối tác, đa dạng hình thức thanh toán và triển khai nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công (học phí, viện phí, phí rác thải...) và các giao dịch dân sự (thương mại điện tử, đấu giá tài sản...)

12. Các cơ quan báo, đài trên địa bàn tỉnh: Tăng cường truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

13. Các doanh nghiệp buru chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh: Chủ động triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này. Đồng thời, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2025 (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo về Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh (*thông qua Sở Thông tin và Truyền thông*) để xem xét, tham mưu, đề xuất điều chỉnh kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VNPT, Viettel, Mobifone, FPT Ninh Thuận;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ Ninh Thuận;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, các phòng/ban/trung tâm;
- Lưu: VT, VXVN. NNN

**TM. BDH CHUYỂN ĐỔI SỐ
TRƯỞNG BAN**



**CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Quốc Nam**